

Số: 893 /CSĐP - KTTVNgày 20 tháng 08 năm 2026

V/v giải trình báo cáo kết quả kinh doanh
hợp nhất giữa niên độ năm 2026

Kính gửi:

- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ NĂM 2026
(ĐÃ SOÁT XÉT))

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	TM	06 THÁNG NĂM 2025	06 THÁNG NĂM 2026	CHÈNH LỆCH	%
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25	404.156.954.900	660.147.083.509	255.990.128.609	163,34
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2		20.767.593	261.582.114	240.814.521	1.259,57
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		404.136.187.307	659.885.501.395	255.749.314.088	163,28
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.27	241.902.762.392	401.512.171.376	159.609.408.984	165,98
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		162.233.424.915	258.373.330.019	96.139.905.104	159,26
6	Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21				-	
7	Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.26	48.929.746.615	65.489.893.873	16.560.147.258	133,84
8	Chi phí tài chính	23	VI.28	1.632.669.136	484.452.811	(1.148.216.325)	29,67
9	Trong đó : Chi phí lãi vay	24				-	
10	Chi phí bán hàng	25		6.267.147.771	5.391.294.232	(875.853.539)	86,02
11	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		42.777.519.644	44.855.074.580	2.077.554.936	104,86
12	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		160.485.834.979	273.132.402.269	112.646.567.290	170,19
13	Thu nhập khác	31		21.281.245.939	10.592.235.098	(10.689.010.841)	49,77
14	Chi phí khác	32		8.121.195.977	8.064.387.131	(56.808.846)	99,30
15	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		13.160.049.962	2.527.847.967	(10.632.201.995)	19,21
16	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (=30+40)	50		173.645.884.941	275.660.250.236	102.014.365.295	158,75
17	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	35.175.978.863	56.814.597.248	21.638.618.385	161,52
18	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	301.310.621	438.186.835	136.876.214	
19	Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN (=50-51-52)	60		138.168.595.457	218.407.466.153	80.238.870.696	158,07
20	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		118.023.634.667	186.638.380.894	68.614.746.227	158,14
21	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		20.144.960.790	31.769.085.259	11.624.124.469	157,70
22	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1.096	2.148		
23	Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		1.096	2.148		

Giải Trình:

Trong 06 tháng năm 2025: Sản lượng tiêu thụ là: 3.010,51 tấn; Giá bán bình quân: 54.804.027 VND/tấn.

Trong 06 tháng năm 2026: Sản lượng tiêu thụ là: 5.779,89 tấn; Giá bán bình quân: 52.693.478 VND/tấn.

Do:

+ Sản lượng tiêu thụ 06 tháng năm 2026 cao hơn 06 tháng năm 2025. Nhưng giá bán bình quân thấp hơn 06 tháng năm 2025. (giá bán bình quân 06 tháng năm 2026 giảm : 2.110.549 VND/tấn hay giảm: 3,85 % so với 06 tháng năm 2025).

+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh 06 tháng năm 2026 tăng: 112.646.567.290 VND hay tăng 70,19% so với 06 tháng năm 2025.

+ Lợi nhuận khác 06 tháng năm 2026 giảm: 10.632.201.995 VND hay giảm: 80,79% so với 06 tháng năm 2025

Do đó, lợi nhuận sau thuế 06 tháng năm 2026 tăng : 80.238.870.696 VND hay tăng : 58,07% so với 06 tháng năm 2025.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, N.Vu (b)



Nguyễn Đức Hiền